

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

CÂU HỎI, BÀI TẬP TRONG DẠY ĐỌC VĂN Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Mã học phần: 1NV202

Số tín chỉ: 03

Dùng cho chuyên ngành: Lí luận & PPDH Văn-Tiếng Việt

Bậc đào tạo: Thạc sĩ

Người biên soạn: PGS.TS Hoàng Thị Mai

Thanh Hóa, tháng 8 năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Câu hỏi, bài tập trong dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông		Mã học phần 1NV202
Tên tiếng Anh: Questions and exercises in teaching reading in secondary schools		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức chung ; <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành		
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 04		
Số tiết lý thuyết: 36	Số tiết thảo luận/bài tập: 26	
Số tiết thực hành: 22	Số tiết tự học: 135 tiết	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết		Khối kiến thức cơ sở ngành
Học phần kế tiếp:		Thực tập
Bộ môn quản lý học phần		Ngữ văn

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	PGS.TS Hoàng Thị Mai	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915188090	Phụ trách
2	PGS.TS Lê Thị Phụng	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915831971	CBGD2

3. Mô tả tóm tắt học phần*Nội dung học phần:*

Học phần nâng cao, cập nhật những kiến thức chuyên sâu, có hệ thống về vai trò, đặc trưng, bản chất của các loại câu hỏi trong dạy học đọc văn, mối quan hệ giữa câu hỏi và tư duy; các nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ để xây dựng câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc

trung thể loại văn bản và đối tượng người học; các thủ pháp xây dựng câu hỏi, tự đặt câu hỏi, tình huống có vấn đề trong dạy học văn nhằm phát huy chủ thể sáng tạo của bạn đọc - học sinh ở nhà trường phổ thông.

Năng lực đạt được:

Học phần phát triển năng lực thực hành vận dụng lí thuyết về câu hỏi và thiết kế, sử dụng câu hỏi hiệu quả trong dạy học đọc văn vào quá trình đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn của HS ở nhà trường phổ thông; triển năng lực phát hiện và đề xuất được các mô hình, giải pháp nâng cao hiệu quả thiết kế và sử dụng câu hỏi hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dạy học đọc văn ở nhà trường phổ thông.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
CLO1	Khái quát, mô tả, phân loại và đánh giá được vai trò, đặc trưng, bản chất của các loại câu hỏi, bài tập trong dạy học đọc văn, mối quan hệ giữa câu hỏi và tư duy	PLO4: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về giao tiếp ngôn ngữ và tích hợp trong dạy học môn Ngữ văn.
<i>Kỹ năng</i>		
CLO2	Phân tích, lựa chọn, đề xuất được các nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xây dựng câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản và đối tượng người học; các thủ pháp xây dựng câu hỏi, tình huống có vấn đề trong dạy học văn.	PLO5: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về đọc hiểu môn Ngữ văn theo chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. PLO6: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực tạo lập văn bản, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về tạo lập văn bản môn Ngữ văn.
<i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i>		
CLO3	Thiết kế và sử dụng được	PLO9: Tổ chức và quản lý các hoạt động ứng

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
	các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc - HS.	dụng các mô hình, giải pháp mới vào nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và giảng dạy môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

Ma trận tích hợp giữa CDR của học phần và CDR của chương trình đào tạo:

PLO \ CLO	PLO									
	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010
1				✓	✓					
2						✓				
3									✓	

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra của học phần và CDR của CTĐT

5. Tài liệu dạy học

Giáo trình/tài liệu tham khảo chính (01-02 giáo trình/tài liệu)	1. Richard Paul – Linda Elder (2015), <i>Cẩm nang Tư duy đặt câu hỏi bản chất</i> , NXB Tổng hợp TP HCM.
Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)	1. Nguyễn Thanh Hùng (2021), <i>Lí luận và phương pháp dạy học văn - Cội nguồn bản sắc giá trị</i> , NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội. 2. Albert Rutherford (2018), <i>Models of Critical Thinking</i> , Kindle Direct Publishing.

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				

1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				30%
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	
Thi cuối kì				50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3.	
Thang điểm				10

Rubric 1 Đánh giá chuyên cần và tiến độ

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Mức độ thực hiện kế hoạch nghiên cứu chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến $<$ 2.5	
		Tham dự 95 - 100% số giờ lý thuyết	Tham dự 90 - 94% số giờ lý thuyết	Tham dự 80 - 89% số giờ lý thuyết	Tham dự $<$ 80% số giờ lý thuyết	
Mức độ tích cực tham dự các hoạt động học tập chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến $<$ 2.5	
		- Chủ động tích cực thực hiện đáp ứng \geq 85% nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động, tích cực thực hiện đáp ứng \geq 70% nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động thực hiện đáp ứng \geq 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	- Thực hiện đáp ứng $<$ 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	
Tổng điểm:						

Rubric 2 Đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Bám sát vấn đề thảo luận và nêu ý kiến rất xác đáng	Nêu ý kiến khá xác đáng về vấn đề thảo luận	Một vài điểm trong ý kiến về vấn đề TL chưa xác đáng	Ý kiến lan man không bám vào chủ đề thảo luận.	
	30%	3.0 đến ≥ 2.5	2.0 đến ≤ 2.5	1.5 đến ≤ 2.0	0 đến $\leq 1,25$	
		Nhận xét, đánh giá thỏa đáng về các ý kiến khác, sử dụng lí lẽ, bằng chứng phù hợp để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá thỏa đáng về các ý kiến khác, đưa ra được 1 vài căn cứ khá thuyết phục để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá hời hợt về các ý kiến khác, nhiều lí lẽ, bằng chứng chưa thỏa đáng.	Nhận xét đánh giá không thỏa đáng về các ý kiến khác, thiếu lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Phương tiện hỗ trợ	10%	1.0 đến ≥ 0.75	0.5 đến ≤ 0.75	0.25 đến ≥ 0.5	0 đến ≤ 0.25	
		Sử dụng động tác hình thể và phương tiện phi ngôn ngữ, điều chỉnh nội dung, giọng điệu rất phù hợp với không khí thảo luận.	Sử dụng động tác hình thể, điều chỉnh nội dung, giọng điệu tương đối phù hợp với không khí thảo luận.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, nội dung dài ít phù hợp với không khí thảo luận.	Nội dung, giọng điệu không phù hợp với không khí thảo luận, nhiều lỗi diễn đạt.	
Thái độ	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	

		Hướng vào người cùng thảo luận để trao đổi ý kiến, có tinh thần cầu thị, biết lắng nghe và phản hồi tích cực.	Tôn trọng, lắng nghe người cùng thảo luận nhưng chưa tích cực phản hồi ý kiến.	Thiếu tinh thần cầu thị khi trao đổi ý kiến với người cùng thảo luận	Không tập trung lắng nghe, không trao đổi ý kiến.	
Tổng điểm:						

Rubric 3 Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt yêu cầu 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Nội dung đầy đủ, ngắn gọn, logic; Nhân mạnh những điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ, ngắn gọn, logic. Nêu được 1 vài điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ nhưng dài và thiếu logic.	Nội dung sơ sài, lan man không đúng trọng tâm.	
	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Sử dụng nhiều ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Sử dụng 1 vài ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Nêu ví dụ khá lan man không làm rõ được quan điểm của bạn.	Không sử dụng ví dụ để giải thích quan điểm của bạn.	
Phương	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	

tiện hỗ trợ		Ngôn ngữ, hình thể giọng nói truyền cảm, chuẩn mực; Sử dụng biểu, bảng/clip/ hình ảnh rất phù hợp.	Ngôn ngữ, giọng nói rõ ràng; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình ảnh tương đối phù hợp.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, lạm dụng quá nhiều slide trình chiếu.	Nói không rõ ràng, nhiều lỗi diễn đạt, slide đơn điệu.	
Thái độ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Tạo lập được mối quan hệ thân thiện với người nghe; Tự tin, tương tác với người nghe	Tự tin, tương tác với người nghe	Thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe	Không tự tin, không tương tác với người nghe	
Tổng điểm:						

Rubric 5 Đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung bài kiểm tra viết	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm khá vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết cơ bản, nắm chưa vững 1 vài nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Rất thiếu kiến thức thực tế và lý thuyết; không nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	
	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	

		Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết tất cả vấn đề một cách KH.	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 2/3 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 1/2 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; giải pháp đưa ra không giải quyết được vấn đề.	
Hình thức bài kiểm tra viết	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Bố cục hợp lí, trình bày rõ ràng đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày rõ ràng, đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày chưa rõ ràng; mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.	Bố cục không hợp lí, trình bày lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
Sáng tạo	10%	$1.0 \text{ đến } 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \leq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Nhiều kiến giải mới mẻ, độc đáo.	Một số kiến giải mới tạo được dấu ấn riêng.	Một vài kiến giải khác lạ không bị phụ thuộc vào cái đã có.	Kiến giải không hoàn toàn mới nhưng không bị trùng lặp với cái đã có.	
Tổng điểm:						

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, Tuần 1: Chương 1: Tư duy và câu hỏi trong dạy đọc văn [20 tiết (LT10, TH5, TL5)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
1.1. Đọc văn và đặc trưng của hoạt động đọc văn	10	Lí thuyết	CLO1: Khái quát, mô tả, phân loại	GT1, GT2	- Nêu các cách phân

<p>1.1.1. Khái niệm đọc văn và dạy đọc văn</p> <p>1.1.2. Đặc trưng của hoạt động đọc văn</p> <p>1.1.3. Đặc điểm của một người đọc tốt</p> <p>1.1.4. Các kĩ thuật đọc văn (Phân biệt với các kĩ thuật dạy đọc văn)</p> <p>1.1.5. Hành động đọc/Quá trình đọc văn</p> <p>1.2. Tư duy và phân loại tư duy</p> <p>1.2.1. Khái niệm tư duy</p> <p>1.2.2. Phân loại tư duy</p> <p>1.2.3. Các loại tư duy bậc cao:</p> <p>1.2.4. Thuyết đa dạng trí thông minh</p> <p>1.3. Mối quan hệ giữa câu hỏi và tư duy</p>			<p>và đánh giá được vai trò, đặc trưng, bản chất của các loại câu hỏi, bài tập trong dạy học đọc văn, mối quan hệ giữa câu hỏi và tư duy</p>		<p>loại VB.</p> <p>- Chỉ ra điểm giống và khác nhau trong các định nghĩa về câu hỏi, bài tập.</p>
<p>Các dạng câu hỏi nghiên cứu căn bản của lí thuyết văn học</p> <p>Khái quát bức tranh lí thuyết tiếp nhận văn học</p>	5	Thảo luận/BT	<p>CLO3: Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc – HS</p>		<p>Thuyết trình</p> <p>Hoặc trình bày bằng bảng tổng hợp</p>
<p>Chỉ ra điểm giống và khác nhau của các dạng câu hỏi</p>	5	Thực hành	<p>CLO3: Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể</p>	<p>GT1</p> <p>GT2</p>	<p>Bảng so sánh</p>

			loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc – HS		
Giới thiệu lí thuyết về đa dạng trí thông minh		Tự học	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học	Internet	Thuyết trình hoặc Poster
Phân tích đặc trưng của hệ thống câu hỏi trong dạy học đọc hiểu văn bản	07'	KT – ĐG		GT1 GT2 TLTK 2	Thuyết trình

Nội dung 2, Tuần 2: Các loại câu hỏi trong dạy học Văn [34 tiết (LT16,TH9,TL9)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
2.1. Khái niệm và phân loại câu hỏi 2.1.1. Phân loại dựa theo các cấp độ tư duy, mức độ tiếp cận đối tượng 2.1.2. Phân loại dựa theo đặc điểm thể loại, các kiểu bài Văn học 2.1.3. Phân loại dựa theo tiến trình dạy học	16	Lí thuyết	CLO2: Phân tích, lựa chọn, đề xuất được các nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xây dựng câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản và đối tượng người học; các thủ pháp xây dựng câu hỏi, tình huống có vấn đề trong dạy học văn.	GT1 GT2	Chỉ ra mức độ tích hợp và phân hóa của các loại câu hỏi

<p>2.1.4. Phân loại dựa theo số lượng HS thực hiện</p> <p>2.1.5. Phân loại dựa theo dạng hình thức của câu hỏi, bài tập</p> <p>2.1.6. Phân loại dựa theo chủ thể của câu hỏi</p> <p>2.2. Đặc điểm, tiêu chí của một hệ thống câu hỏi tốt trong dạy học Văn</p> <p>2.3. Nguyên tắc xây dựng câu hỏi trong dạy học Văn</p> <p>2.3.1. Nguyên tắc chung</p> <p>2.3.2. Nguyên tắc xây dựng câu hỏi, bài tập cho HS học hợp tác trong dạy học Văn</p>					
<p>2.4. Các thủ pháp tạo dựng câu hỏi, tình huống có vấn đề trong dạy học Văn</p> <p>2.5. Các dạng câu hỏi, bài tập trong dạy học Văn</p> <p>2.5.1. Theo các thang bậc tư duy</p> <p>2.5.2. Theo các phạm vi kết nối đa</p>	9	Thảo luận/BT	CLO3: Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc - HS.	GT1 GT2	Nêu tiêu chí đánh giá câu hỏi

chiều của VB 2.5.3. Theo thể loại VB 2.5.4. Tự đặt câu hỏi của người đọc khi đọc hiểu các thể loại văn bản.					
Thực hành đặt câu hỏi	9	Thực hành	CLO3: Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc - HS.	GT1 GT2	Trình bày kết quả đọc bằng sơ đồ trình chiếu trên máy chiếu.
Xây dựng hệ thống câu hỏi trong dạy học đọc hiểu 1 VB		Tự học		TLTK 2	Thuyết trình
Nêu cách đặt câu hỏi		KT ĐG	CLO3: Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc - HS.	GT1 GT2	Thuyết trình

Nội dung 3, Tuần 3: Đề thi kiểm tra, đánh giá năng lực đọc văn của học sinh ở nhà trường phổ thông [30 tiết (LT10,TH10,TL10)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu	Yêu cầu SV chuẩn bị
-----------------------	----------------	------------------	------------------------	-----------------	----------------------------

		tổ chức dạy học		tham khảo	
<p>3.1. Đặc trưng của kiểm tra, đánh giá năng lực người học</p> <p>3.1.1. Đánh giá quá trình</p> <p>3.1.2. Đánh giá thực tiễn</p> <p>3.1.3. Đánh giá sáng tạo</p> <p>3.2. Chuẩn năng lực đọc văn của HS ở nhà trường phổ thông</p> <p>3.3. Đề thi kiểm tra, đánh giá năng lực đọc văn của HS</p> <p>3.3.1. Đề thi trắc nghiệm</p> <p>3.3.2. Đề thi tự luận</p> <p>3.3.3. Xây dựng ma trận đề</p> <p>3.3.4. Xây dựng kế hoạch ra đề</p> <p>3.3. Đề mở và hướng dẫn chấm đề mở trong đánh giá năng lực đọc văn của HS</p> <p>3.3.1. Đề mở trong đánh giá năng lực đọc văn</p> <p>3.3.2. Hướng dẫn chấm đề mở trong đánh giá năng lực</p>	10	Lí thuyết	CLO2: Phân tích, lựa chọn, đề xuất được các nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xây dựng câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản và đối tượng người học; các thủ pháp xây dựng câu hỏi, tình huống có vấn đề trong dạy đọc văn.	GT2 TLTK 2	Chỉ ra mức độ yêu cầu cần đạt về quá trình đánh giá HS

đọc văn					
2.4. Đánh giá năng lực tự đặt câu hỏi trong quá trình đọc văn bản của học sinh trung học.	10	Thảo luận/BT	CLO4: Khảo sát, đánh giá được thực trạng thiết kế và hiệu quả sử dụng câu hỏi, bài tập trong dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; phát hiện và đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, các giải pháp đổi mới phương pháp thiết kế và sử dụng các loại câu hỏi, bài tập nhằm phát triển năng lực HS trong dạy học văn.	GT2 TLTK 2	Nêu tiêu chí đánh giá năng lực tự đặt câu hỏi trong quá trình đọc văn bản của học sinh trung học.
Rèn kĩ năng tự đặt câu hỏi trong quá trình đọc văn bản của học sinh trung học.	6	Thực hành	CLO3: Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc - HS.	GT2 TLTK 2	Nêu biện pháp dạy học sinh tự đặt câu hỏi trong quá trình đọc văn bản của học sinh trung học.
Xây dựng hệ thống câu hỏi trong dạy học đọc hiểu văn bản		Tự học	CLO3: Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy		Thuyết trình

			phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc - HS.		
Đề xuất tiêu chí đánh giá hệ thống câu hỏi		KT – ĐG			Thuyết trình

8. Quy định đối với học viên:

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

Phòng học có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu projector để phục vụ các hoạt động dạy học. Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật
Cập nhật ĐCCTHP lần 2 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật

Duyệt
(Khoa)

Trưởng bộ môn
(Kí tên)

Ngày tháng 8 năm 2022
Giảng viên
(Kí tên)

Vũ Thanh Hà

Hoàng Thị Mai

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC